

Bản án số: 123/2022/HS- ST
Ngày 22-8-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Tấn

Ông Nguyễn Đức Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang- Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy- Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 110/2022/TLST- HS ngày 24 tháng 6 năm 2022 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 125/2022/QĐXXST- HS ngày 22 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2022/HSST- QĐ ngày 19 tháng 8 năm 2022 đối với bị cáo:

Lê Quang V, sinh năm 1980; huyện V, tỉnh Bắc Giang.

Nơi ĐKKHKT và nơi ở: Thôn Ng, xã Tr, huyện V, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Văn S; và bà: Lê Thị Ch; có vợ: Nguyễn Thị Ph và 03 con lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2014; **tiền án, tiền sự:** không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

- Bị hại: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1970; cư trú tại: Thôn Ng, xã Tr, huyện V, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Ông Đặng Văn Th- Luật sư Văn phòng luật sư Đặng Th- V; địa chỉ: Thôn Tr, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Chị Lê Thị M, sinh năm 1996; cư trú tại: Thôn Ng, xã Tr, huyện V, tỉnh Bắc Giang (có mặt)

-Người làm chứng:

1. Anh Lê Văn Đ1 (có mặt)

2. Bà Đỗ Thị S, sinh 1969 (vắng mặt)
3. Bà Dương Thị Đ2 (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Quang V, sinh năm 1980 và chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1970 cùng trú tại thôn Ng, xã Tr, huyện V. Gia đình Vui và gia đình chị L có thửa ruộng giáp ranh nhau tại cánh đồng Cửa Gia thuộc thôn Ng, xã Tr, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

Khoảng 08 giờ 00 phút ngày 10/11/2021, V thuê một số thợ để xây bờ gạch ngăn cách giữa hai thửa ruộng. Lúc này, chị L đang ở đó thấy vậy nên nói với V: “Mày lấn ruộng nhà tao à”. Sau đó, hai bên lời qua tiếng lại cãi nhau. Chị L yêu cầu V xây thụt vào nhưng V không đồng ý và bảo thợ xây tiếp. Chị L đi xuống đầu ruộng phía dưới nhổ cọc tim dùng để phân chia phần ruộng giáp ranh và đẩy gạch sang ruộng nhà V để ngăn cản việc xây dựng. Theo V khai lúc này V đứng đối diện chị L, V dùng tay trái để lên vai phải chị L đẩy chị L về phía sau mục đích đẩy chị L ra để thợ làm, thì chị L dùng tay trái túm vào bộ phận sinh dục của V, nên V dùng tay phải gạt tay chị L ra thì chị L ngã ngổ xuống ruộng nhà chị Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1966 ở cùng thôn, V dùng tay trái bóp cổ chị L, tay phải giữ tay chị L du chị L ngã ngửa, lúc này anh Lê Văn Đ2, sinh năm 1974 trú tại thôn T, xã Đ, huyện H, tỉnh Bắc Giang là thợ xây thấy vậy vào ngăn cản kéo V ra, chị L ngồi xồm dậy được, dùng tay phải bốc đất ném vào người V, nên V có tiến lại gần đối diện chị L dùng tay trái tát vào mồm chị L hai cái, một cái bằng lòng bàn tay, một cái bằng mu bàn tay, khi chị L đứng dậy quay lưng về phía mặt V, V dùng chân trái đá vào mông chị L. Chị L bị V tát, làm chảy máu miệng nên chị L vào nhà trưởng thôn để nhờ người sơ cứu vết thương, còn V đi về nhà. Sau khi nhận được thông tin từ quần chúng nhân dân, lực lượng Công an xã Tr, huyện V đã có mặt tại hiện trường để lập biên bản sự việc. Chị L đi điều trị thương tích tại Bệnh viện đa khoa K từ ngày 14/11/2021 đến ngày 15/11/2021 ra viện.

Ngày 22/11/2021, chị L có đơn trình báo Công an huyện V đề nghị khởi tố đối với Lê Quang V.

Tại Giấy chứng nhận thương tích số 38 ngày 19/11/2021 của Bệnh viện đa khoa K, xác định tình trạng thương tích của chị Nguyễn Thị L: 02 vết thương môi dưới, gãy răng R32, R31, R41, R42. Đau đầu, chóng mặt, buồn nôn nhiều.

Ngày 14/12/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 425, trưng cầu Trung tâm pháp y – Bệnh viện đa khoa

tỉnh Bắc Giang giám định tỷ lệ % tổn thương cơ thể do thương tích gây nên trên cơ thể chị Nguyễn Thị L.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 382/21/TgT ngày 20/12/2021 của Trung tâm pháp y – Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang kết luận:

* Dấu hiệu chính qua giám định:

- Thương tích vết sọc niêm mạc môi dưới kích thước (1,5x0,1)cm: 1%.
- Thương tích vết sọc niêm mạc môi dưới kích thước (1,5x0,2)cm: 1%.
- Thương tích gãy răng 31: 2%.
- Thương tích gãy răng 32: 2%.
- Thương tích gãy răng 41: 2%.
- Thương tích gãy răng 42: 2%.
- Thương tích chấn động não + Điện não đồ: Hoạt động bình thường: 3%.
- Kiểm tra vùng cổ không thấy dấu vết thương tích: 0%.

Tổng tỷ lệ thương tích theo phương pháp cộng của Thông tư số 22/2019/TT-BYT: 3% + 2% + 2% + 2% + 2% + 1% + 1% + 0% = 12%.

* Kết luận: Căn cứ Bảng tỷ lệ tổn thương cơ thể ban hành kèm theo Thông tư số: 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 12% (Mười hai phần trăm).

* Kết luận khác:

- Cơ chế, vật gây thương tích: Các thương tích do vật tày gây nên.

Quá trình điều tra chị L khẳng định sau khi V tát chị L thì V đã dùng chân trái đá một cái trúng mồm chị L. Cơ quan điều tra tiến hành đối chất giữa V và chị L. Tuy nhiên hai bên vẫn giữ nguyên lời khai.

Do có sự mâu thuẫn trong lời khai của V và chị L, Cơ quan điều tra đã tiến hành cho V và chị L thực nghiệm lại tư thế động tác để xác định nội dung vụ việc, V gây thương tích cho chị L.

Ngày 20/01/2022, Cơ quan điều tra ra Quyết định trưng cầu giám định bổ sung để xác định trường hợp thực nghiệm theo lời khai của V, chị L có tạo được thương tích cho chị L theo Bản kết luận giám định số 382/21/TgT ngày 20/12/2021 của Trung tâm pháp y – Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang hay không.

Tại bản kết luận giám định pháp y bổ sung số 463/21/Tgt ngày 25/01/2022 của Trung tâm pháp y – bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang kết luận:

- Trường hợp Lê Quang V đứng đối diện với chị Nguyễn Thị L khi chị L đang ngồi bệt dưới đất. V khom người dùng tay trái tát một nhát bằng lòng bàn tay vào mồm chị L rồi tiếp tục dùng tay trái tát ngược lại bằng mu bàn tay vào mồm chị L tạo được thương tích cho chị L theo bản kết luận giám định số 382/21/TgT ngày 20/12/2021 của Trung tâm pháp y – Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang.

- Trường hợp chị L đứng khom người quay mặt về phía sau nhìn anh V đứng bên tay phải chị L. Sau đó, bị V dùng chân trái đá vào mồm chị L tạo được thương tích cho chị L theo bản kết luận giám định số: 382/21/TgT ngày 20/12/2021 của Trung tâm pháp y – Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang.

- Lực tác động mạnh đối với tổn thương của chị Nguyễn Thị L.

Cáo trạng số 107/CT- VKS ngày 14 tháng 6 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện V truy tố bị cáo Lê Quang V về các tội “ *Cố ý gây thương tích*” theo Khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi của mình như đã nêu trên. Bị cáo trình bày thêm: Bị cáo và bị hại tranh chấp ranh giới ruộng canh tác. Ủy ban nhân dân xã Tr giải quyết ấn định mốc giới giữa hai nhà. Bị cáo xây đúng mốc giới do Ủy ban nhân dân xã giải quyết. Thương tích của chị L là do bị cáo gây ra, bị cáo đồng ý với các kết luận giám định. Bị cáo đến bồi thường thiệt hại, bị hại không nhận nên bị cáo nộp tiền vào Chi cục thi hành án dân sự huyện V.

Bị hại là chị Nguyễn Thị L trình bày: Gia đình bị cáo xây tường, chị ra nhờ đình và du tường gạch do gia đình bị cáo xây. Hiện chị chưa đi cấm răng do đó chưa biết chi phí cho việc làm răng giả hết bao nhiêu tiền.

Tại phiên tòa bị cáo và bị hại thỏa thuận các khoản bồi thường sau: Tiền viện phí: 2.910.000 đồng; tiền test nhanh Covid- 19: 120.000 đồng; chi phí khám bệnh: 1.560.000 đồng; tiền test nhanh Covid- 19 cho người đi nuôi: 180.000 đồng; tiền thuốc theo hóa đơn ghi ngày 10/11/2021: 469.860 đồng; chi phí khám bệnh: 1.070.000 đồng; tiền mất thu nhập của bị hại: 45 ngày x 200.000 đồng/ 1 ngày = 9.000.000 đồng; tiền mất thu nhập cho người nuôi: 06 ngày x 300.000 đồng/1 ngày = 1.800.000 đồng; tiền bồi dưỡng 150.000 đồng/1 ngày x 45 ngày = 6.750.000 đồng; tiền thuê taxi: 1.050.000 đồng; tiền tổn thất tinh thần: 3.000.000 đồng; tổng cộng: 27.909.860 đồng.

Bị cáo và bị hại không thỏa thuận được bồi thường thiệt hại về việc chị L làm răng giả và đơn thuốc ghi ngày 10/11/2021, số tiền 1.650.000 đồng.

Kết thúc thẩm vấn, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V giữ quyền công tố Nhà nước tại phiên tòa luận tội đối với bị cáo và giữ nguyên quan điểm truy tố, sau khi đánh giá chứng cứ, đề nghị:

Áp dụng Khoản 1 Điều 134, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Quang V từ 06 tháng đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng kể từ ngày tuyên án.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Lê Quang V phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị L số tiền 27.909.860 đồng đồng, làm tròn là 28.000.000 đồng được

trừ vào số tiền 20.000.000 đồng bị cáo nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện V, bị cáo phải bồi thường thêm số tiền 8.000.000 đồng.

Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23, Điều 26 Nghị quyết 326/2016 Quốc Hội khóa 14 ngày 30/12/2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm án phí dân sự sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại sau khi phân tích, đánh giá chứng cứ đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 30 tháng đến 36 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo bồi thường thiệt hại cho bị hại theo thỏa thuận; đối với yêu cầu bồi thường làm 04 răng giả đề nghị Hội đồng xét xử tách ra, giải quyết bằng vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng*: Người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa, những người này đã có lời khai trong hồ sơ vụ án. Sự vắng mặt của người làm chứng không gây trở ngại cho việc xét xử, căn cứ Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng vẫn tiến hành xét xử.

[3] Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi của mình. Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, các kết luận giám định pháp y về thương tích, kết quả thực nghiệm điều tra, phù hợp với thời gian, địa điểm xảy ra tội phạm và các chứng cứ khác, có đủ cơ sở kết luận: Căn cứ vào kết quả giải quyết tranh chấp đất của Ủy ban nhân dân xã Tr. Khoảng 08 giờ ngày 10/11/2021, Lê Quang V thuê thợ xây tường xác định ranh giới đất của hai gia đình, chị Nguyễn Thị L ngăn cản không cho thợ xây, V và chị L xô sát bị cáo V có hành vi dùng tay trái tát 02 cái vào mồm chị L. Hậu quả, chị L bị tổn thương cơ thể với tổng tỷ lệ thương tích là: 12%.

Cáo trạng số 107/CT- VKS ngày 14 tháng 6 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V truy tố bị cáo Lê Quang V về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi của bị cáo không những xâm phạm đến sức khỏe của chị L được pháp luật bảo vệ, mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Do đó, cần xử lý bị cáo bằng pháp luật hình sự, xử phạt bị cáo một hình phạt nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4] *Tình tiết giảm nhẹ*: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả cho bị hại. Áp dụng điểm b, điểm i, điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự khi cân nhắc hình phạt.

[5] *Tình tiết tăng nặng*: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[6] Sau khi xem xét hành vi, động cơ, tính chất, mức độ, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy: Bị cáo có nhân thân tốt, có 03 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo đã bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại. Xét thấy, việc không bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu trong cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm. Nhằm đề cao chính sách nhân đạo, khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội, tạo cơ hội cho bị cáo sửa chữa, cải tạo thành công dân có ích cho xã hội. Do vậy chưa cần thiết phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù có thời hạn, mà cho bị cáo được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự là đủ để bị cáo lấy đó làm bài học tu dưỡng rèn luyện bản thân làm người có ích cho gia đình và xã hội.

[7] Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134, áp dụng điểm b, điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 02 năm 06 tháng đến 03 tù là không có căn cứ chấp nhận.

[8] *Về trách nhiệm dân sự*: Bị cáo có hành vi gây thiệt hại về sức khỏe cho chị L, nay chị L yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm là phù hợp với quy định tại Điều 584, Điều 585 và Điều 590 của Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại của chị L.

[8.1] Tại phiên tòa bị cáo thỏa thuận bồi thường thiệt hại cho bị hại các khoản sau: Tiền viện phí: 2.910.000 đồng; tiền test nhanh Covid- 19: 120.000 đồng; chi phí khám bệnh: 1.560.000 đồng; tiền test nhanh Covid- 19 cho người đi

nuôi: 180.000 đồng; tiền thuốc theo hóa đơn ghi ngày 10/11/2021: 469.860 đồng; chi phí khám bệnh: 1.070.000 đồng; tiền mất thu nhập của bị hại: 45 ngày x 200.000 đồng/ 1 ngày = 9.000.000 đồng; tiền mất thu nhập cho người nuôi: 06 ngày x 300.000 đồng/1 ngày = 1.800.000 đồng; tiền bồi dưỡng 150.000 đồng/1 ngày x 45 ngày = 6.750.000 đồng; tiền thuê taxi: 1.050.000 đồng; tiền tổn thất tinh thần: 3.000.000 đồng; tổng cộng: 27.909.860 đồng. Xét thấy, bị cáo và bị hại thỏa thuận trên cơ sở tự nguyện, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8.2] Đối với yêu cầu của chị L về việc yêu cầu bị cáo bồi thường đơn thuốc ghi ngày 10/11/2021, số tiền là 1.650.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy: Đơn thuốc và hóa đơn thuốc ghi cùng ngày 10/11/2021, kết quả xác minh xác định đơn thuốc ghi ngày 10/11/2021 là chỉ định của bác sĩ, hóa đơn thuốc ghi ngày 10/11/2021 là bệnh nhân mua thuốc theo chỉ định của bác sĩ kê đơn. Kết quả xác minh đơn thuốc do bác sĩ kê trùng với số tiền mua thuốc của hóa đơn, do đó Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị L về việc yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền theo đơn thuốc ghi ngày 10/11/2021 là 1.650.000 đồng.

[8.3] Chi phí cho việc làm 04 chiếc răng giả, tại phiên tòa bị cáo và bị hại không thỏa thuận được, hiện chị L chưa xuất trình được chứng cứ, Hội đồng xét xử chưa căn cứ xác định được thiệt hại thực tế của việc cấm răng giả, sau này các bên không thỏa thuận được, có yêu cầu sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[9] *Về án phí*: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

1. Về áp dụng điều luật:

Căn cứ Khoản 1 Điều 134, điểm b, điểm i, điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 65, Điều 48 của Bộ luật Hình sự

Căn cứ Điều 584, Điều 585, Điều 589 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ điểm a Khoản 2 Điều 136, Điều 293, các Điều 331; 332, 333; 336, 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

2. Về mức hình phạt:

Xử phạt bị cáo Lê Quang V 07 tháng tù về tội cố ý gây thương tích, nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 01 năm 02 tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Lê Quang V cho Ủy ban nhân dân xã Tr, huyện V, tỉnh Bắc Giang nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về trách nhiệm dân sự:

3.1. Công nhận sự thỏa thuận của bị cáo và chị Nguyễn Thị L: Buộc bị cáo bồi thường thiệt hại cho chị L số tiền 27.909.860 nhưng được trừ vào số tiền bồi thường bị cáo tự nguyện nộp là 20.000.000 đồng theo biên lai số 0001688 ngày 14 tháng 6 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V, bị cáo phải bồi thường thêm số tiền 7.909.860 đồng.

3.2. Không chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị L về việc buộc bị cáo bồi thường thiệt hại cho bị hại số tiền 1.650.000 đồng theo đơn thuốc ghi ngày 10/11/2021.

3.3. Đối với chi phí làm răng giả, sau này chị L xuất trình được chứng cứ chứng minh, các bên không thỏa thuận được, chị L được khởi kiện bằng vụ án khác.

4. *Về án phí:* Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo:* Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

6. *Về nghĩa vụ chậm thi hành án:* Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản hoàn trả hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế theo quy định tại điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự,

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Noinhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang
- VKSND huyện V;
- CCTHADS huyện V;
- Lưu HS.VP;
- Công an V;
- Bị cáo;
- UBND xã Tr.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Hương